

Biến đổi dân số và tăng trưởng kinh tế

GS.TS NGUYỄN ĐÌNH CỬ

Viện Dân số và Các vấn đề xã hội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tính đến Ngày dân số thế giới 11.7 năm nay, thế giới đã vượt qua con số 7 tỷ người; còn ở Việt Nam, theo dự báo dân số giai đoạn 2009-2049 của Tổng cục Thống kê, với phương án mức sinh trung bình, dân số nước ta sẽ đạt 95,3 triệu người vào năm 2019; 102,7 triệu người vào năm 2029 và 108,7 triệu người vào năm 2049. Số liệu từ các cuộc Tổng điều tra dân số cũng cho thấy, trong 30 năm qua, quy mô, cơ cấu dân số của nước ta đã biến đổi mạnh mẽ. Bài viết phân tích và đánh giá tác động của những biến đổi này đến tăng trưởng kinh tế.

Các kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ: ở nước ta, từ 1979 đến 1989, do dân số tăng chậm lại, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng nhanh đã đóng góp vào tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 0,6%. Tương tự, giai đoạn 1989-1999 là 0,98% và giai đoạn 1999-2009 là 1,53%... nhưng sau 2019, do già hóa dân số, tác động này sẽ là âm (-).

Mặc dù cần hoàn thiện hơn về mô hình đánh giá và thảo luận thêm về khoảng tuổi “tham gia lao động tích cực” nhưng qua nghiên cứu cho thấy, ở nước ta những lợi thế do biến đổi về mặt lượng của quy mô, cơ cấu dân số mang lại cho tăng trưởng kinh tế là khá lớn (song lại sắp trôi qua) và vai trò quyết định của năng suất lao động đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Tăng trưởng kinh tế thường được định nghĩa theo 2 cách: thứ nhất, đó là *sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP)* và thứ hai là *sự gia tăng của GDP bình quân đầu người* [4],[6],[7]. Hạn chế của

định nghĩa thứ nhất là đôi khi xảy ra nghịch lý: có tăng trưởng kinh tế dương (+) nhưng mức sống người dân giảm xuống, nếu tốc độ tăng dân số cao hơn tốc độ tăng GDP. Điều này đã xảy ra ở Việt Nam giai đoạn 1976-1980 (xem [9]). Vì vậy, trong bài viết này, tăng trưởng kinh tế được hiểu theo cách thứ hai.

Biến đổi quy mô, cơ cấu dân số và tăng trưởng kinh tế

Sản xuất ra vật chất là hoạt động bao trùm, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Hoạt động này xoay quanh 2 trục: sản xuất ra *đồ vật* (tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng) và sản xuất ra chính bản thân *con người*. Hai dòng sản xuất vật chất này tuy khác hẳn nhau về mọi mặt nhưng phụ thuộc chặt chẽ với nhau và cùng với các hoạt động dịch vụ quyết định tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia, thể hiện qua các mối quan hệ sau:

Tỷ lệ tăng quy mô dân số và tăng trưởng kinh tế

Ký hiệu: Y, P, $\bar{y}$ lần lượt là GDP, số dân và GDP bình quân đầu

người trong năm nghiên cứu ($\bar{y} = Y/P$). Dễ dàng thấy rằng, vai trò của quy mô dân số đối với tăng trưởng kinh tế xuất phát từ tính chất đơn giản của phân số: *nếu Y tăng lên k lần thì Y/P cũng tăng lên k lần, nếu P tăng k lần thì Y/P giảm k lần*. Tốc độ tăng/giảm của Y và P có tác động như nhau nhưng theo hướng khác nhau đến giá trị của Y/P. Rõ ràng, tác động của kết quả các quá trình dân số (sinh, tử, di cư) đến tăng trưởng kinh tế lớn đến mức tương đương với kết quả hoạt động kinh tế.

Mặt khác, với những điều kiện dễ chấp nhận, từ công thức $\bar{y} = Y/P$, có thể chứng minh được rằng:

$$\text{Tỷ lệ gia tăng GDP bình quân đầu người} = \text{Tỷ lệ gia tăng GDP} - \text{Tỷ lệ gia tăng dân số} \quad (1)$$

Công thức (1) cho thấy: để tăng trưởng dương (+), tức là để cải thiện đời sống nhân dân, thì tổng sản phẩm quốc nội phải tăng nhanh hơn sự gia tăng dân số. Đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế,

việc giảm 1% tỷ lệ gia tăng dân số cũng có giá trị tương đương như tăng 1% GDP. Điều này cho thấy ý nghĩa, hiệu quả của chính sách kế hoạch hóa gia đình. Các nước nghèo thường có tỷ lệ tăng dân số cao, làm giảm mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các nước giàu thì ngược lại. Điều này góp phần làm cho khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn.

Tác động của cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế

Ký hiệu: L là dân số trong độ tuổi lao động (L/P là tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động, phản ánh cơ cấu dân số theo tuổi); y là năng suất lao động, đo bằng $y = Y/L$, có thể thiết lập công thức sau:

$$\tilde{y} = Y/P = Y/L \times L/P$$

$$\tilde{y} = y \times L/P$$

$$\Rightarrow g_{\tilde{y}} = g_y + g_L - g_P$$

Trong đó: $g_{\tilde{y}}$ = Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người

g_y = Tốc độ tăng năng suất lao động

g_L = Tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động

g_P = Tốc độ tăng dân số

Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người $\approx$ Tốc độ tăng năng suất lao động + Tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động - Tốc độ tăng dân số (2)

Công thức (2) vừa phản ánh tác động của biến đổi cơ cấu dân số theo tuổi, vừa phản ánh cả việc biến đổi quy mô dân số đến tăng trưởng kinh tế. Nếu mức sinh năm nay cao thì khoảng 20 năm sau số lượng lao động sẽ

lớn. Do vậy, tốc độ tăng dân số có thể hoàn toàn khác tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động. Nếu trong thời kỳ nào đó, dân số tăng chậm, lao động tăng nhanh thì thời kỳ đó thuận lợi nhất cho sự tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, khi số người trong độ tuổi lao động tăng lên tới mức gấp đôi số người ngoài độ tuổi lao động, người ta nói rằng đó là cơ cấu dân số "vàng".

Tác động của biến đổi quy mô, cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Khi nghiên cứu dân số, dưới góc độ kinh tế, trước hết người ta chú ý đến nhóm dân số có khả năng lao động. Khả năng này lại "gắn chặt" với từng nhóm tuổi và giới tính. Theo Điều 6, Luật Lao động năm 1994 của Việt Nam, "Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động và có giao kết hợp đồng lao động". Điều 145 còn quy định: Một trong những điều kiện để người lao động được hưởng chế độ hưu trí là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi. Do đó, khi nghiên cứu dân số theo tuổi lao động, căn cứ vào quy định của pháp luật, đối với nam giới có thể tính số lượng và tỷ lệ nhóm tuổi (15-60), đối với nữ là nhóm (15-55). Tuy nhiên, do tuổi thọ ngày càng cao (Việt Nam, năm 2009 là 70,2 đối với nam, 75,6 đối với nữ), sức khỏe người cao tuổi ngày càng được cải thiện nên nhiều người cao tuổi vẫn tham gia hoạt động kinh tế. Trong khi đó, xã hội càng phát triển, thời gian đi học, đào tạo nghề của thanh, thiếu niên càng dài. Từ số liệu điều tra về lao động (của thế giới và ở Việt Nam), có thể nhận thấy một xu hướng chuyển từ "làm việc sớm, hưu sớm" sang "làm việc muộn, hưu muộn".

Vậy nên, hiện nay để chỉ nhóm dân số có khả năng hoạt động kinh tế tích cực, ngoài các nhóm tuổi như trên, nhiều học giả trong và ngoài nước đã đề nghị sử dụng các nhóm tuổi như: (15-64), (20-64), (20-69), thậm chí là (25-69). Ở nước ta, tỷ lệ tham gia lao động của nhóm (60-64) cao hơn nhóm (15-19) (xem [8]). Vì vậy, nghiên cứu này đánh giá tác động của biến đổi cơ cấu dân số, cụ thể là sự tăng nhanh tỷ lệ nhóm dân số (20-64) tuổi đến tăng trưởng kinh tế ở nước ta.

Trong khoảng 30 năm qua, quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam biến động mạnh (bảng 1).

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		0-19	20-64	≥ 65
1979	52,7	53,95	41,37	4,68
1989	64,4	49,70	45,60	4,70
1999	76,3	43,87	50,33	5,80
2009	85,8	35,19	58,21	6,60

Bảng 1: quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam thời kỳ 1979-2009

(nguồn: tác giả tự tính toán từ các nguồn số liệu [1],[2],[3],[10])

Bảng 1 cho thấy, dân số đã tăng từ 52,7 triệu người lên 85,8 triệu và tỷ lệ người trong độ tuổi có khả năng lao động thực sự đã tăng từ 41,37% lên 58,21% trong tổng số dân, nghĩa là tăng thêm gần 17%.

Dựa vào công thức (2) có thể tính được đóng góp của nhân tố dân số đối với tăng trưởng kinh tế từng giai đoạn của thời kỳ 1979-2009. Để dự báo tác động này trong tương lai xa hơn, cần tiến hành dự báo dân số. Dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số 2009, Tổng cục Thống kê đã dự báo dân số giai đoạn 2010-2049 [5] (bảng 2).

Năm	1979	1989	1999	2009	2019	2029	2039	2049
(1) Dân số (triệu)	52,742	64,376	76,323	85,847	95,354	102,678	106,887	108,707
(2) Tỷ lệ tăng dân số (%)	-	2,1	1,7	1,1	1,0	0,7	0,4	0,17
(3) Số lao động (triệu)	22,320	29,366	38,402	49,944	60,044	62,826	68,415	69,556
(4) Tỷ lệ tăng lao động (%)	-	2,7	2,68	2,63	1,84	0,5	0,3	0,16
(5) Tác động (5) = (4) - (2)		0,6	0,98	1,53	0,84	-0,2	-0,1	-0,01

Bảng 2: Biến đổi dân số và dân số trong độ tuổi lao động (1979-2009) và dự báo giai đoạn (2009-2049), phương án trung bình (nguồn: tính toán từ số liệu [1],[2],[3],[5],[10])

Từ số liệu bảng 2, có thể đưa ra nhận xét:

- Giai đoạn 1979-1989, lao động tăng nhanh, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế hàng năm tới 2,7% nhưng dân số cũng tăng mạnh (2,1%) nên đóng góp của dân số nói chung chỉ còn 0,6%.

- Giai đoạn 1989-1999, tốc độ tăng lao động hàng năm đã bắt đầu giảm, tuy nhiên tốc độ tăng dân số giảm nhanh hơn nên dân số đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế 0,98%/năm.

- Giai đoạn 1999-2009, tốc độ tăng lao động hàng năm tiếp tục giảm, tuy nhiên vẫn cao (ở mức 2,63%) nhưng tốc độ tăng dân số giảm mạnh, chỉ còn 1,1%, nên dân số đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế tới 1,53%/năm. Đây là mức đóng góp lớn nhất trong quá khứ cũng như trong tương lai.

- Từ giai đoạn 2009-2019 trở đi, đóng góp của biến đổi dân số cho tăng trưởng kinh tế giảm mạnh, thậm chí sau năm 2020 là âm (-). Điều này là do tốc độ tăng lao động giảm mạnh (kết quả giảm sinh từ những năm 1995 trở lại đây). Vì vậy, sau thời điểm này, tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào năng suất lao động. Do đó, về dài hạn, nâng cao năng suất lao động là giải pháp quyết

định cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Kết luận và khuyến nghị

Trong 40 năm (1979-2019) tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã được hưởng nhiều lợi thế do biến đổi dân số mang lại. Đó là quá trình tăng dân số chậm lại và tốc độ tăng dân số trong độ tuổi hoạt động kinh tế cao. Tuy nhiên, sau năm 2019 tác động tổng hợp của biến đổi dân số đối với tăng trưởng kinh tế là âm (-). Do vậy, cần tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khai thác hiệu quả các yếu tố: vốn, tài nguyên, công nghệ, nâng cao trình độ quản lý... nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Trong 40 năm tới, tuy tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động ở nước ta giảm dần nhưng số lượng vẫn lớn, chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số, tỷ số phụ thuộc thấp (dưới 50 - cơ cấu dân số "vàng") có thể nâng cao tiết kiệm, thúc đẩy đầu tư tăng trưởng kinh tế. Do đó, cần chủ động xây dựng chính sách triệt để tận dụng cơ hội, lợi thế do cơ cấu "vàng" mang lại, cụ thể là: tạo mọi điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển việc làm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động và tăng xuất khẩu.

Lực lượng lao động của nước ta đông nhưng tỷ lệ được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật rất thấp (13,6% năm 2009). Vì vậy, cần huy động, khuyến khích mọi lực lượng xã hội tham gia giáo dục, đào tạo; đặc biệt là đào tạo nghề nhằm góp phần dịch chuyển cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, hiệu quả, để nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tăng trưởng kinh tế có chất lượng và bền vững ■

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (1983). Dân số Việt Nam 1.10.1979.
- [2] Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010). Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.
- [3] Central census steering committee (2000). 1999 population and housing census: Sample results. The gioi publishers Hanoi.
- [4] Wayne Nafziger. Kinh tế học của các nước đang phát triển. NXB Thống kê Hà Nội, 1998.
- [5] Ministry of Planning and Investment (2011). General Statistic Office. Population Projection for Vietnam, 2009-2040.
- [6] Nguyễn Văn Công (Chủ biên). Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô. NXB Lao động, Hà Nội, 2010.
- [7] Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Dung (Đồng chủ biên). Giáo trình Kinh tế phát triển. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2010.
- [8] Tổng cục Thống kê. Điều tra biến động dân số, nguồn lao động và kế hoạch hoá gia đình. NXB Thống kê, Hà Nội, 2007.
- [9] Tổng cục Thống kê. Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX. NXB Thống kê, Hà Nội, 2004.
- [10] Tổng cục Thống kê (1991). Tổng điều tra dân số Việt Nam. Phân tích kết quả điều tra mẫu.